

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – ĐỀ 5

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Cánh diều

Thời gian làm bài: 40 phút

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. $\frac{7}{10}$ của hình chữ nhật đã được tô màu có nghĩa là:

- A. Chia hình chữ nhật thành 10 phần, tô màu 7 phần
B. Chia hình chữ nhật thành 10 phần bằng nhau, tô màu 7 phần
C. Chia hình chữ nhật thành 7 phần, tô màu 10 phần
D. Chia hình chữ nhật thành 7 phần bằng nhau, tô màu 10 phần

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức đã học về phân số

Lời giải:

$\frac{7}{10}$ của hình chữ nhật đã được tô màu có nghĩa là: Chia hình chữ nhật thành 10 phần bằng nhau, tô màu 7 phần

Đáp án: B**Câu 2.** Hồng nói hai phân số $\frac{48}{92}$ và $\frac{36}{69}$ bằng nhau, nhưng Lan lại nói chúng không bằng nhau. Em hãy cho biết bạn nào nói đúng?

- A. Hồng nói đúng B. Lan nói đúng C. Cả hai bạn nói đúng D. Không bạn nào nói đúng.

Phương pháp

So sánh hai phân số

Lời giải

Ta có:

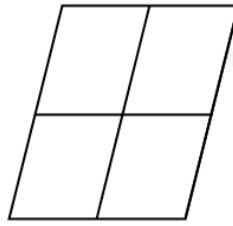
$$\frac{48}{92} = \frac{48:4}{92:4} = \frac{12}{23}$$

$$\frac{36}{69} = \frac{36:3}{69:3} = \frac{12}{23}$$

Vậy $\frac{48}{92} = \frac{36}{69}$. Bạn Hồng đã nói đúng.

Đáp án: A

Câu 3. Có bao nhiêu hình bình hành trong hình dưới đây:



A. 4 hình

B. 5 hình

C. 9 hình

D. 10 hình

Phương pháp:

Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Lời giải:

- Số hình bình hành tạo từ 1 hình bình hành: 4

- Số hình bình hành tạo từ 2 hình bình hành nhỏ: 4

- Số hình bình hành tạo từ 4 hình bình hành nhỏ: 1

Vậy hình bên có 9 hình bình hành

Đáp án: C

Câu 4. Điền số còn thiếu vào chỗ chấm: $\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$

A. $\frac{24}{56}$

B. $\frac{63}{56}$

C. $\frac{39}{56}$

D. $\frac{87}{56}$

Phương pháp:

Số hạng = Tổng – Số hạng

Lời giải:

$$\frac{3}{7} + .?. = \frac{9}{8}$$

$$?. = \frac{9}{8} - \frac{3}{7} = \frac{39}{56}$$

Đáp án: C

Câu 5. Lớp 4A có 16 học sinh nam và số học sinh nữ bằng $\frac{9}{8}$ số học sinh nam. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ ?

A. 16 học sinh

B. 18 học sinh

C. 20 học sinh

D. 22 học sinh

Phương pháp

Số học sinh nữ của lớp 4A = Số học sinh nam x $\frac{9}{8}$

Lời giải

Số học sinh nữ của lớp 4A là: $16 \times \frac{9}{8} = 18$ học sinh

Đáp án: A

Câu 6. Một hộp bóng có $\frac{1}{2}$ số bóng màu đỏ, $\frac{1}{3}$ số bóng màu xanh, còn lại là bóng màu vàng. Tìm phân số chỉ số bóng màu vàng.

A. $\frac{5}{6}$

B. $\frac{1}{6}$

C. $\frac{2}{5}$

D. $\frac{3}{5}$

Phương pháp:

Phân số chỉ số bóng màu đỏ và màu xanh = Phân số chỉ số bóng màu đỏ + Phân số chỉ số bóng màu xanh.

Phân số chỉ số bóng màu vàng = Phân số chỉ tổng số bóng có trong hộp - Phân số chỉ số bóng màu đỏ và màu xanh

Lời giải

Phân số chỉ số bóng màu đỏ và màu xanh là:

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{3} = \frac{5}{6}$$

Số bóng màu đỏ và màu xanh chiếm $\frac{5}{6}$ phần hộp bóng có nghĩa là: hộp bóng được chia ra làm 6 phần bằng nhau. Số bóng đỏ và xanh chiếm 5 phần. Còn lại là số bóng màu vàng. Ta có thể tính phân số chỉ số bóng màu vàng như sau:

$$\frac{6}{6} - \frac{5}{6} = \frac{1}{6} \text{ (phần) hoặc lấy } 1 - \frac{5}{6} = \frac{1}{6}$$

Đáp án: B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính

a) $4 + \frac{7}{13} : \frac{1}{2} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{13}{12} \times \frac{4}{5} - \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$

Phương pháp:

- Muốn cộng hoặc trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi cộng hoặc trừ hai phân số sau khi quy đồng.
- Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.
- Muốn chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & 4 + \frac{7}{13} : 2 \\ &= \frac{4}{1} + \frac{7}{26} \\ &= \frac{111}{26} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & \frac{13}{12} \times \frac{4}{5} - \frac{1}{5} \\ &= \frac{13}{15} - \frac{1}{5} \\ &= \frac{12}{15} = \frac{4}{5} \end{aligned}$$

Câu 2. Tìm giá trị của ? biết rằng:

$$\text{a)} \quad ? - \frac{5}{14} = \frac{3}{7}$$

$$\text{b)} \quad \frac{2}{11} \times ? = \frac{4}{5}$$

Phương pháp:

Dựa vào cách tìm thành phần chưa biết của phép tính

Lời giải

$$\text{a)} \quad ? - \frac{5}{14} = \frac{3}{7}$$

$$? = \frac{3}{7} + \frac{5}{14}$$

$$? = \frac{11}{14}$$

$$\text{b)} \quad \frac{2}{11} \times ? = \frac{4}{5}$$

$$? = \frac{4}{5} : \frac{2}{11}$$

$$? = \frac{4}{5} \times \frac{11}{2} = \frac{22}{5}$$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

$$\text{a)} \quad \frac{2}{5} \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ kg}$$

$$\text{b)} \quad 710\,030 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2 \dots\dots \text{ mm}^2$$

$$\text{c)} \quad \frac{4}{5} \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ mm}^2$$

$$\text{d)} \quad \frac{5}{6} \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giây}$$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 tạ = 100 kg

1 phút = 60 giây

$$1 \text{ dm}^2 = 10\,000 \text{ mm}^2$$

$$1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2$$

Lời giải

$$\text{a) } \frac{2}{5} \text{ tạ} = 40 \text{ kg}$$

$$\text{b) } 710\,030 \text{ dm}^2 = 71 \text{ dm}^2\,30 \text{ mm}^2$$

$$\text{c) } \frac{4}{5} \text{ cm}^2 = 80 \text{ mm}^2$$

$$\text{d) } \frac{5}{6} \text{ phút} = 50 \text{ giây}$$

Câu 4. Cô giáo mua 40 quyển vở cho 3 tổ của lớp. Tổ 1 được $\frac{1}{4}$ số vở, tổ 2 nhận được $\frac{2}{5}$ số vở còn lại. Hỏi tổ 3 nhận được bao nhiêu quyển vở ?

Phương pháp

Tính số quyển vở tổ 1 nhận được

Tính số quyển vở tổ 2 nhận được

Tính số quyển vở tổ 3 nhận được

Lời giải

Tổ 1 nhận được số quyển vở là:

$$40 \times \frac{1}{4} = 10 \text{ (quyển)}$$

Tổ 2 nhận được số quyển 1 vở là:

$$(40 - 10) \times \frac{2}{5} = 12 \text{ (quyển)}$$

Tổ 3 nhận được số quyển vở là:

$$40 - 10 - 12 = 18 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 18 quyển vở

Câu 5. Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{1}{5}$ m, chiều rộng là $\frac{1}{6}$ m. Chia tấm bìa đó ra làm 3 phần bằng nhau. Tính diện tích của mỗi phần.

Phương pháp:

Diện tích của tấm bìa hình chữ nhật = Chiều dài x Chiều rộng

Diện tích của mỗi phần là: Diện tích tấm bìa : 3

Lời giải:

Diện tích của tấm bìa là:

$$\frac{1}{5} \times \frac{1}{6} = \frac{1}{30} \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích của mỗi phần là:

$$\frac{1}{30} : 3 = \frac{1}{90} \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đáp số: } \frac{1}{90} \text{ m}^2$$

Câu 6. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $125 \times 17 \times 5 \times 16$

b) $\frac{5}{9} \times \frac{8}{17} + \frac{4}{9} \times \frac{8}{17}$

Phương pháp

- Áp dụng công thức: $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$
- Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép nhân

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } & 125 \times 17 \times 5 \times 16 \\ & = 125 \times 17 \times 5 \times (8 \times 2) \\ & = (125 \times 8) \times (5 \times 2) \times 17 \\ & = 1\,000 \times 10 \times 17 \\ & = 170\,000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } & \frac{5}{9} \times \frac{8}{17} + \frac{4}{9} \times \frac{8}{17} \\ & = \frac{8}{17} \times \left(\frac{5}{9} + \frac{4}{9} \right) \\ & = \frac{8}{17} \times 1 \\ & = \frac{8}{17} \end{aligned}$$